

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Dầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch
Ông Phùng Quang Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2026)
Ông Dương Như Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2026)
Ông Hà Huy San	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Việt Hưng	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phùng Quang Trung	Tổng Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công ty)
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Dầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư,
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH



Phùng Quang Trung

Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 25 tháng 7 năm 2026

Số : 2907/21-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2026, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		521.311.271.831	398.476.658.985
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	12.054.683.591	79.499.229.449
1 Tiền	111		12.054.683.591	8.964.867.833
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	70.534.361.616
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.193.150.685
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2.	-	10.193.150.685
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.219.581.847	45.043.960.229
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	192.995.372.056	42.987.740.928
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	7.632.710.314	962.396.930
3 Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5.	1.194.918.827	3.323.071.721
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(1.603.419.350)	(2.229.249.350)
IV Hàng tồn kho	140		282.796.278.255	253.387.033.849
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	282.796.278.255	253.387.033.849
V Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI Tài sản ngắn hạn khác	160		26.240.728.138	10.353.284.773
1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.11.	18.295.513.184	151.554.173
2 Thuế GTGT được khấu trừ	162		7.945.214.954	10.065.828.492
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14.	-	135.902.108
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.935.902.061	14.319.633.402
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		12.399.643.182	13.030.561.269
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	12.396.462.817	13.021.547.571
- Nguyên giá	222		97.269.025.268	96.493.971.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.872.562.451)	(83.472.423.482)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	3.180.365	9.013.698
- Nguyên giá	228		325.000.000	325.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(321.819.635)	(315.986.302)
III Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV Bất động sản đầu tư	240		-	-
V Tài sản dở dang dài hạn	250		3.419.553.708	232.200.000
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10.	3.419.553.708	232.200.000
VI Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII Tài sản dài hạn khác	270		1.116.705.171	1.056.872.133
1 Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11.	1.116.705.171	1.056.872.133
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		538.247.173.892	412.796.292.387

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
C NỢ PHẢI TRẢ	300		206.380.310.148	84.800.336.584
I Nợ ngắn hạn	310		206.380.310.148	84.800.336.584
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	50.330.560.284	24.916.368.349
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	6.587.433.948	2.233.264.810
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14.	12.844.146.324	9.729.985.158
4 Phải trả người lao động	315		46.247.700.312	37.589.768.553
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15.	34.718.022.232	5.551.715.350
6 Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16.	1.445.520.202	2.159.422.375
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17.	39.793.392.470	-
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.413.534.376	2.619.811.989
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18.	331.866.863.744	327.995.955.803
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		157.312.600.000	157.312.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		157.312.600.000	157.312.600.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		881.911.314	881.911.314
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		63.679.689.867	22.041.208.211
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		109.992.662.563	147.760.236.278
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		12.879.160.737	8.965.297.425
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		97.113.501.826	138.794.938.853
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		538.247.173.892	412.796.292.387

Phê duyệt, ngày 25 tháng 7 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thuận

Phùng Quang Trung

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	891.371.991.433	823.927.403.220
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	94.600.000
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		891.371.991.433	823.832.803.220
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	649.743.246.493	613.354.540.203
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		241.628.744.940	210.478.263.017
6 Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7 Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4.	2.926.147.321	3.667.599.910
8 Chi phí tài chính	23	VI.5.	4.622.127.438	1.696.620.575
Trong đó: Chi phí đi vay	24		101.150.451	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.6.	73.615.374.040	91.011.434.876
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	41.132.962.035	33.652.580.297
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		125.184.428.748	87.785.227.179
12 Thu nhập khác	31		220	520
13 Chi phí khác	32		-	254
14 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		220	266
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		125.184.428.968	87.785.227.445
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	28.070.927.142	20.681.426.416
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		97.113.501.826	67.103.801.029
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	6.173,28	3.839,07

Phê duyệt, ngày 25 tháng 7 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thuận

Phùng Quang Trung

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		125.184.428.968	87.785.227.445
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.405.972.302	1.733.194.468
- Các khoản dự phòng	03		(625.830.000)	4.032.238.667
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.860)	4.705.185
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.926.049.399)	(3.619.056.272)
- Chi phí đi vay	06		101.150.451	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		123.139.659.462	89.936.309.493
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(152.293.275.972)	(34.370.267.652)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.409.244.406)	99.506.128.375
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		67.972.433.106	25.841.426.305
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(18.203.792.049)	(3.231.863.951)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(53.626.785)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.098.025.207)	(14.708.633.230)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.792.571.498)	(1.467.879.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.738.443.349)	161.515.220.340
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.962.407.923)	(381.618.800)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(77.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.119.200.084	2.400.500.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.156.792.161	(74.981.118.740)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		39.793.392.470	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.656.300.000)	(31.462.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.862.907.530)	(31.462.520.000)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(67.444.558.718)	55.071.581.600
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		79.499.229.449	89.566.413.589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.860	13.995.365
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	12.054.683.591	144.651.990.554

Phê duyệt, ngày 25 tháng 7 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thuận

Phùng Quang Trung



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Phân lân Ninh Bình, được thành lập năm 1977. Từ ngày 01/01/2005, Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, trong đó, cổ đông Nhà nước là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 03/7/2026, vốn điều lệ của Công ty là **157.312.600.000 VND** (Một trăm năm mươi bảy tỷ, ba trăm mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là NFC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Chi tiết: Sản xuất xi măng;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: xuất, nhập khẩu các loại phân bón;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Sản xuất máy chuyên dụng khác;
Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tạo thiết bị máy sản xuất phân lân nung chảy;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: buôn bán các loại phân bón.
- Trụ sở Công ty tại:** Tổ dân phố Đầu Xuân, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình, địa chỉ tại số 267/5 đường Trịnh Đình Trọng, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng đại diện có hoạt động chính là xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm cho thị trường phía Nam.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2026 là 375 người (Tại ngày 31/12/2025 là 339 người).

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại thuyết minh số VIII.4, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

IV. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

6. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

8. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chương trình phần mềm như quản lý, quản trị doanh nghiệp và trang thông tin điện tử của Công ty.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của các chương trình phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ là công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuốc chữa bệnh, chi phí vận chuyển hàng gửi bán và các chi phí khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí vận chuyển hàng gửi bán: Chi phí vận chuyển hàng gửi bán đến kho gửi bán, được phân bổ vào chi phí khi ghi nhận doanh thu của hàng gửi bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Nguyên tắc kế toán các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

14. Nguyên tắc ghi chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng bao gồm bán sản phẩm, phế liệu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm do Công ty sản xuất, nguyên liệu đã bán trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí đi vay, chiết khấu thanh toán, chênh lệch tỷ giá.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

21. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm phân bón và chủ yếu được phân phối trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Dầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

1. Tiến

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền		(Trình bày lại)
Tiền mặt	12.054.683.591	8.964.867.833
	348.563.321	642.781.502
Tiền gửi không kỳ hạn	11.706.120.270	8.322.086.331
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Ninh Bình	2.959.327.250	4.762.755.378
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	5.306.648.595	2.154.614.939
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	3.274.578.661	405.047.495
Các ngân hàng khác	165.565.764	999.668.519
Các khoản tương đương tiền	-	70.534.361.616
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	70.534.361.616
Cộng	12.054.683.591	79.499.229.449

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)			
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	-	-	-	10.193.150.685	10.193.150.685
- CN Ninh Bình					
Cộng	-	-	-	10.193.150.685	10.193.150.685

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	32.086.025.825	-	-	-
Công ty TNHH Hoàng Ngân	27.693.305.311	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	68.160.496.160	-	-	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty KC Hà Tĩnh	20.421.395.940	-	-	-
Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp tỉnh Quảng Trị	-	-	10.942.880.310	-
Công ty CP Tổng Công ty KC Hà Tĩnh - Chi nhánh Miền Trung	4.805.594.714	-	8.457.463.829	-
Công ty TNHH Đáp Thành	8.796.882.246	-	11.180.087.500	-
Các đối tượng khác	31.031.671.860	(1.603.419.350)	12.407.309.289	(2.229.249.350)
Cộng	192.995.372.056	(1.603.419.350)	42.987.740.928	(2.229.249.350)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV SX vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Đức Thái Nguyên 4	-	-	223.724.160	-
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	4.100.575.880	-	525.505.170	-
Công ty TNHH AGC	1.010.606.836	-	-	-
Các đối tượng khác	2.521.527.598	-	213.167.600	-
Cộng	7.632.710.314	-	962.396.930	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Phải thu khác

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
			(Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	212.052.197	-	-	-
Phải thu khác	964.866.630	-	3.297.071.721	-
Phải thu người lao động về BHXH	854.101.000	-	1.165.143.000	-
Phải thu thuế TNCN của người lao động	-	-	2.095.712.000	-
Các đối tượng khác	110.765.630	-	36.216.721	-
Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	26.000.000	-
Cộng	1.194.918.827	-	3.323.071.721	-

6. Nợ xấu

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi.				
Phải thu khách hàng				
Hội nông dân huyện Nho Quan	1.004.229.350	-	1.004.229.350	-
Hội nông dân thị trấn Nho Quan	599.190.000	-	599.190.000	-
Hội nông dân xã Văn Phong - huyện Nho Quan	-	-	260.705.000	-
Hội nông dân xã Đức Long - huyện Nho Quan	-	-	365.125.000	-
Cộng	1.603.419.350	-	2.229.249.350	-

7. Hàng tồn kho

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	102.388.437.036	-	82.421.431.577	-
Công cụ, dụng cụ	656.607.708	-	710.358.634	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.899.613.745	-	51.746.962.917	-
Sản phẩm	88.134.870.822	-	118.024.865.658	-
Hàng gửi bán	81.716.748.944	-	483.415.063	-
Cộng	282.796.278.255	-	253.387.033.849	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Địa chỉ: Tổ dân phố Dầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2026	26.408.654.973	44.487.605.501	20.990.946.965	4.606.763.614	96.493.971.053	
Mua trong kỳ	-	-	-	775.054.215	775.054.215	
Số dư ngày 30/6/2026	26.408.654.973	44.487.605.501	20.990.946.965	5.381.817.829	97.269.025.268	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2026	26.356.600.863	39.550.193.468	13.989.985.676	3.575.643.475	83.472.423.482	
Khấu hao trong kỳ	5.775.000	553.645.997	676.580.324	164.137.648	1.400.138.969	
Số dư ngày 30/6/2026	26.362.375.863	40.103.839.465	14.666.566.000	3.739.781.123	84.872.562.451	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	52.054.110	4.937.412.033	7.000.961.289	1.031.120.139	13.021.547.571	
Tại ngày 30/6/2026	46.279.110	4.383.766.036	6.324.380.965	1.642.036.706	12.396.462.817	

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 79.587.120.902 VND (Tại ngày 31/12/2025 là 78.839.644.555 VND)



Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2026	325.000.000	325.000.000
Số dư ngày 30/6/2026	325.000.000	325.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2026	315.986.302	315.986.302
Khấu hao trong kỳ	5.833.333	5.833.333
Số dư ngày 30/6/2026	321.819.635	321.819.635
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	9.013.698	9.013.698
Tại ngày 30/6/2026	3.180.365	3.180.365

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 290.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025: 290.000.000 đồng).

Chi tiết danh mục các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

Tên tài sản cố định	Nguyên giá
Phần mềm quản lý nhân sự tiền lương	50.000.000
Phần mềm trang tin điện tử công ty	40.000.000
Phần mềm kế toán, quản lý bán hàng	200.000.000
Chương trình thiết kế Website	35.000.000
Cộng	325.000.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	232.200.000	232.200.000
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	232.200.000	232.200.000
Mua sắm TSCĐ	2.853.160.909	-
Mua xe ô tô Camry	1.466.627.273	-
Mua xe ô tô Fortuner	1.386.533.636	-
Sửa chữa TSCĐ	334.192.799	-
Sửa chữa lò cao số 03	334.192.799	-
Cộng	3.419.553.708	232.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.295.513.184	151.554.173
Chi phí thuốc chữa bệnh	35.143.488	26.004.700
Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	18.260.369.696	125.549.473
b) Dài hạn	1.116.705.171	1.056.872.133
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.116.705.171	1.046.802.245
Chi phí khác	-	10.069.888
Cộng	19.412.218.355	1.208.426.306

12. Phải trả người bán

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bao bì PP	4.219.612.083	1.932.653.721
Công ty TNHH Thương mại vận tải dịch vụ Minh Hiếu	7.011.650.378	4.023.432.135
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	15.601.187.627	6.882.857.639
Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Điện Lộc Phát	-	3.122.232.000
Các đối tượng khác	23.498.110.196	8.955.192.854
Cộng	50.330.560.284	24.916.368.349

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

13. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ 579	-	581.129.000
Công ty TNHH Nông nghiệp xanh HTB 27	72.159.000	340.605.000
Công ty TNHH Logistics Long Bình	3.194.895.151	-
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	2.285.058.150	-
Các đối tượng khác	1.035.321.647	1.311.530.810
Cộng	6.587.433.948	2.233.264.810

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Đầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư,
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2026
a) Phải nộp ngắn hạn				
Thuế xuất nhập khẩu	-	287.247.283	287.247.283	-
Thuế TNDN	9.642.764.222	28.070.927.142	26.098.025.207	11.615.666.157
Thuế TNCN	84.706.833	3.445.587.411	3.181.002.863	349.291.381
Thuế đất, tiền thuê đất	-	1.873.924.141	1.000.439.690	873.484.451
Thuế tài nguyên	-	10.911.780	8.647.350	2.264.430
Các loại thuế khác	2.514.103	319.709.016	318.783.214	3.439.905
Cộng	9.729.985.158	34.008.306.773	30.894.145.607	12.844.146.324
b) Phải thu ngắn hạn				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	126.955.238	126.955.238	-	-
Thuế tài nguyên	8.946.870	8.946.870	-	-
Cộng	135.902.108	135.902.108	-	-

15. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn		
Thường đại lý	16.221.340.000	1.158.620.400
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.112.978.963	-
Chi phí thị trường	13.615.581.580	-
Thường sáng kiến	1.965.000.000	4.296.934.950
Chi phí quảng cáo	255.724.821	12.960.000
Chi phí lãi vay phải trả	47.523.666	-
Trích trước chi phí duy tu, sửa chữa đường sắt	430.423.882	-
Các khoản khác	69.449.320	83.200.000
Cộng	34.718.022.232	5.551.715.350

16. Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	468.966.020	818.503.960
Dự có 1388	-	916.044.775
Phải trả, phải nộp khác	176.554.182	424.873.640
Nhận ký quỹ, ký cược	800.000.000	-
Cộng	1.445.520.202	2.159.422.375

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÃN NINH BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Địa chỉ: Tổ dân phố Đầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND	
	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	30/6/2026	01/01/2026
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình (*)	39.793.392.470	-
Cộng	39.793.392.470	-

(*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT400-PHANLAN ngày 02/12/2025 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình; Hạn mức dư nợ: 56.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón; Thời hạn vay: không quá 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Các quyền tài sản và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT400 ngày 18/7/2022. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND	Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025		157.312.600.000	881.911.314	17.567.948.154	49.568.737.539	225.331.197.007
Lãi trong năm trước		-	-	-	138.794.938.853	138.794.938.853
Phân phối các quỹ		-	-	4.473.260.057	(9.140.920.114)	(4.667.660.057)
Chia cổ tức		-	-	-	(31.462.520.000)	(31.462.520.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025		157.312.600.000	881.911.314	22.041.208.211	147.760.236.278	327.995.955.803
Lãi trong kỳ này		-	-	-	97.113.501.826	97.113.501.826
Phân phối các quỹ (*)		-	-	41.638.481.656	(56.224.775.541)	(14.586.293.885)
Chia cổ tức (*)		-	-	-	(78.656.300.000)	(78.656.300.000)
Số dư ngày 30/6/2026		157.312.600.000	881.911.314	63.679.689.867	109.992.662.563	331.866.863.744

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 896/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2026.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	80.234.280.000	80.234.280.000
Ông Phạm Mạnh Ninh	15.731.550.000	15.731.550.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	25.594.360.000	24.902.260.000
Vốn góp của các cổ đông khác	35.752.410.000	36.444.510.000
Cộng	157.312.600.000	157.312.600.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	157.312.600.000	157.312.600.000
Vốn góp đầu kỳ	157.312.600.000	157.312.600.000
Vốn góp cuối kỳ	157.312.600.000	157.312.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.656.300.000	31.462.520.000

18.4 Cổ phiếu

	30/6/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.731.260	15.731.260
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.731.260	15.731.260
- Cổ phiếu phổ thông	15.731.260	15.731.260
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.731.260	15.731.260
- Cổ phiếu phổ thông	15.731.260	15.731.260

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Doanh thu		
Danh thu bán sản phẩm	888.329.435.578	821.445.623.474
Doanh thu bán phế liệu	3.042.555.855	2.481.779.746
Cộng	891.371.991.433	823.927.403.220

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Đầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư,
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Hàng bán bị trả lại	-	94.600.000
Cộng	-	94.600.000

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá vốn của sản phẩm đã bán	649.743.246.493	613.354.540.203
Cộng	649.743.246.493	613.354.540.203

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.926.049.399	3.619.056.272
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	85.062	48.543.638
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	12.860	-
Cộng	2.926.147.321	3.667.599.910

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	101.150.451	-
Chiết khấu thanh toán	4.492.507.750	1.690.508.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	28.469.237	1.406.640
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	4.705.185
Cộng	4.622.127.438	1.696.620.575

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	73.615.374.040	91.011.434.876
Chi phí nhân viên	7.373.514.112	8.503.962.473
Chi phí vật liệu, bao bì	355.896.885	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.749.550.501	58.243.072.082
Chi phí bằng tiền khác	30.136.412.542	24.264.400.321

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	41.758.792.035	33.652.580.297
Chi phí nhân viên quản lý	20.797.550.541	21.991.633.147
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.380.441.719	992.594.952
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.209.234.815	610.565.671
Chi phí khấu hao TSCĐ	235.163.125	153.222.437
Thuế, phí và lệ phí	77.399.536	78.825.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.996.974.832	1.074.361.779
Chi phí bằng tiền khác	13.062.027.467	8.751.376.642
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(625.830.000)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(625.830.000)	-
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	575.789.004.957	460.751.007.581
Chi phí nhân công	99.147.509.090	102.574.349.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.136.161.994	1.733.194.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.739.474.402	61.531.341.906
Chi phí bằng tiền khác	47.679.432.125	37.960.545.758
Cộng	764.491.582.568	664.550.438.882
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	125.184.428.968	87.785.227.445
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	16.328.840.000	17.273.298.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế khác	1.158.633.260	1.651.393.365
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	140.354.635.708	103.407.132.080
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	28.070.927.142	20.681.426.416
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	97.113.501.826	67.103.801.029
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(6.710.380.103)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.710.380.103)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(6.710.380.103)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	97.113.501.826	60.393.420.926
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.731.260	15.731.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	6.173,28	3.839,07

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 là số liệu 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 896/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2026 của Công ty.

Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026, lợi nhuận dùng để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng theo Nghị quyết số 896/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2026, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025		
	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	67.103.801.029	-	67.103.801.029
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	(6.710.380.103)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(6.710.380.103)	(6.710.380.103)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	67.103.801.029	(6.710.380.103)	60.393.420.926
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.731.260		15.731.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.265,63		3.839,07

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	39.793.392.470	-
Cộng	39.793.392.470	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Ninh An, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), (tổng diện tích thuê 2.527 m², thời hạn thuê đến năm 2047; tổng diện tích thuê 113.324,5 m², thời hạn thuê đến năm 2045; tổng diện tích thuê 4.149 m², thời hạn thuê đến năm 2048); tại xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), (tổng diện tích thuê 17.419,4 m², thời hạn thuê đến năm 2045), để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh, đất sản xuất phi nông nghiệp. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Tập đoàn Hoá chất Việt Nam
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam
Công ty TNHH Hoàng Ngân
Công ty CP Xà phòng Hà Nội
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa Chất
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Ảnh hưởng đáng kể

a) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
<i>Mua hàng</i>		
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	133.813.464.512	74.369.963.867
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	228.380.000	37.368.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất	-	59.760.000
Công ty CP Xà phòng Hà Nội	-	102.235.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Đầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư,
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Bán hàng

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	66.259.650.071	153.805.183.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	184.709.648.038	10.730.880.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	49.044.359.705	-
Trung tâm thương mại và dịch vụ Hóa Chất	7.337.325.000	-

Chi trả cổ tức

Công ty TNHH Hoàng Ngân	12.787.180.000	3.804.652.000
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	40.117.140.000	16.046.856.000

b) Số dư với các bên liên quan

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND

Các khoản phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	32.086.025.825	-
Công ty TNHH Hoàng Ngân	27.693.305.311	-

Phải trả người bán

Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	15.601.187.627	6.882.857.639
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	160.150.400	-

Người mua trả tiền trước

Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	2.285.058.150	-
--	---------------	---

Phải trả khác

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hóa chất Miền Nam	-	309.589.040
--	---	-------------

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	4.188.650.000	2.248.586.500
Cộng	4.188.650.000	2.248.586.500

Chi tiết từng thành viên như sau:

Thu nhập Ban Tổng giám đốc	1.770.363.000	876.735.000
Họ và tên	Chức danh	
Ông Phùng Quang Trung	Tổng Giám đốc	706.237.000
Ông Dương Như Đức	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/12/2025) kiêm Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/4/2026)	299.408.500
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	764.717.500
		411.745.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Đầu Xuân, Phường Nam Hoa Lư,
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thu nhập của HĐQT và các thành viên quản lý khác		2.418.287.000	1.371.851.500
Họ và tên	Chức danh		
Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch HĐQT	857.106.000	463.013.000
Ông Hà Huy San	Thành viên HĐQT	86.000.000	98.881.000
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	86.000.000	49.000.000
Ông Nguyễn Minh Việt Hưng	Thành viên HĐQT	86.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thuận	Kế toán trưởng	626.092.500	330.622.000
Bà Hoàng Thị Tiếp	Trưởng ban kiểm soát	238.439.000	135.600.000
Bà Tạ Thị Kim Chúc	Thành viên ban kiểm soát	373.649.500	237.735.500
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên ban kiểm soát	65.000.000	43.000.000
Cộng		4.188.650.000	2.248.586.500

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 của Công ty CP Phân lân Ninh Bình đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99. Theo đó, một số số liệu kỳ trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99 và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
Các khoản tương đương tiền	112	70.000.000.000	534.361.616	70.534.361.616
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10.000.000.000	193.150.685	10.193.150.685
Phải thu ngắn hạn khác	135	4.050.584.022	(727.512.301)	3.323.071.721

Phê duyệt, ngày 25 tháng 7 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Ngọc Thuận

Phùng Quang Trung